

Bản án số: 34 /2018/HS-ST
Ngày 27 - 11- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông TRẦN QUANG HÒA

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Tuấn.

Bà Hoàng Thị Tháo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Ma Viết D (tên gọi khác: không) sinh ngày 27 tháng 4 năm 1984 tại xã L, huyện Đ, tỉnh T; nơi cư trú: xóm (thôn) L, xã L, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Viết D (đã chết) và bà Hà Thị V; có vợ là Nguyễn Thị G(Đã ly hôn) và 01 con; tiền án: có 02 tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Về án tích, Bản án số 37/2010/HSST ngày 29/10/2010 của TAND huyện Đ, tỉnh T xử phạt Ma Viết D 30 tháng cải tạo không giam giữ về "Tội đánh bạc"; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2018 đến nay "có mặt" tại phiên tòa.

2. Trần Mạnh C (tên gọi khác không), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1993 tại xã Q, huyện Đ, tỉnh T; nơi cư trú: xóm (thôn) H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (Đã chết) và bà Lương Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: có hai tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2018 đến nay "có mặt" tại phiên tòa..

- Bị hại: anh Nông Văn Th, sinh năm: 1974, "Có mặt";

Trú tại: thôn N , xã X, huyện N, tỉnh B.

- Người có quyền lợi liên quan:

+ Anh Lương Minh N, sinh năm 1979, "Vắng mặt";

+ Chị Hà Thị S, sinh năm 1978, "Vắng mặt";

Địa chỉ: cùng trú tại xóm (thôn) H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh T.

- Người làm chứng: chị Nông Thị N, sinh năm 1986; trú tại: thôn K, xã X, huyện N, tỉnh B, "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/8/2018 Ma Viết D trú tại xóm L, xã L nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô tại huyện N, tỉnh B đem bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân nên đã gọi điện thoại cho Trần Mạnh C (cũng nghiện ma túy) trú tại xóm H, thị trấn C cùng ở huyện Đ, tỉnh T và bảo với C: "Có xe không đón anh lên huyện N lấy xe của anh về bán". Khi nghe D nói vậy, C mượn xe mô tô, BKS 2xL1-837x của anh Lương Minh N trú cùng xóm với C, rồi đi đón D. Khi gặp nhau D chở C từ cầu Tân D thuộc xã Tân D, huyện Đ đi theo đường Hồ Chí Minh qua thị trấn C, tỉnh B sau đó đi theo đường Y, huyện C đến xã L, huyện N, tỉnh B, trong lúc này C hỏi D sao "Đi xa thế" thì D trả lời: "Sắp đến rồi, cứ ngồi đi". Do trước đây, D đã lấy vợ là người ở huyện N nên D thông thạo địa hình điều khiển xe mô tô chở C đi tắt vào đường đất thôn K, xã L sang xã X, huyện N. Đi đến đoạn rẽ vào thôn B và thôn N, xã X do đường đất bản nên D chở C rẽ phải đi xuống sông N thuộc thôn N để rửa chân. Khi đang đi xuống thì qua ánh đèn xe mô tô, D nhìn thấy 03 chiếc xe mô tô dựng ở bãi trống cách bờ sông khoảng 12,5m, lúc này D xác định lấy trộm xe nên dựng xe mô tô cách vị trí 03 xe mô tô khoảng 5m và cách bờ sông khoảng 20m. D xuống sông rửa chân còn C đứng đợi, qua ánh đèn xe mô tô, C cũng nhìn thấy có xe mô tô dựng ở khu đất trống đó. Sau khi rửa chân xong D không nói gì với C rồi tiếp tục chở C đi theo đường liên thôn B ra thôn K, xã X mua xăng và đến cửa hàng của chị Nông Thị N thuộc thôn K thì D Dựng xe hơi chéch với cửa hàng, một mình D vào mua 01 chiếc tước lơ vít + 01 chiếc clê cỡ 12. Sau khi mua xong D tiếp tục chở C quay lại vị trí 03 chiếc xe mô tô mà D và C đã thấy trước đó. D đề xe trên đường liên thôn K - B cách vị trí 03 chiếc xe mô tô khoảng 60m, bảo C đứng đợi trên đường và nói: "Khi nào thấy anh lên thì đi luôn". Sau đó, D chạy đến vị trí để 03 xe mô tô, sử dụng đèn pin của Điện thoại soi sáng rồi dùng tước lơ vít phá khóa điện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 9xB1-530.6x đang dựng bằng chân chống phụ giữa hai xe còn lại. Sau khi phá được khóa điện thì D điều khiển xe mô tô BKS 9xB1-530.6x đi lên chỗ C và điều khiển xe đi trước, còn C điều khiển xe mô tô BKS 2xL1-837x theo sau đi ngược ra đường K, xã X rồi theo đường tỉnh lộ 25x đến thị trấn C, huyện C, sau đó theo đường Hồ Chí Minh về huyện Đ, tỉnh T. Khi đi đến Trạm y tế xã Tân D, huyện Đ xe mô tô của C bị thùng xăng bẻ gãy sau, nên C gửi xe mô tô BKS 2xL1- 837x tại Trạm y tế xã Tân D. Theo C khai đến lúc này C mới biết xe D điều khiển là xe vừa trộm cắp được. Sau đó C ngồi sau xe mô tô BKS 9xB1-530.6x để D điều khiển chở C đi theo

hướng trung tâm huyện Đ (Km 31) rồi tiếp tục đến huyện P, tỉnh T, D hỏi C: "Có chỗ nào bán xe không có giấy tờ không?" thì C gọi điện thoại cho một người tên là: "Chung" để tìm nơi bán xe nhưng do điện thoại hết tiền nên không gọi được, sau đó C dẫn D đến nhà một người phụ nữ tên T1 ở khu vực ga Quán Triều thuộc thành phố T, tỉnh T để bán xe nhưng không có ai ở nhà nên D và C quay lại xã Đ, huyện P, tỉnh T ngủ tại nhà anh trai họ của D là Mai Viết K.

Sáng ngày 03/8/2018 D điều khiển xe mô tô BKS 9xB1-530.6x chở C đi xuống thị trấn Đ, huyện P để tìm nơi bán xe, trên đường đi D hỏi C là có biết chỗ nào mua "xe nháy" không thì C lấy điện thoại của D gọi cho một người tên K nhà ở Thành phố T để hỏi chỗ bán xe nhưng người này nói xe không có giấy tờ không bán được. D và C đem xe đến khu vực uống thuốc cai nghiện Methadone của huyện P, tỉnh T và hỏi một người đàn ông: "Có chỗ nào bán xe trộm cắp không" thì người này nói: "Xe không có giấy tờ bán không được giá, để anh đi cầm hộ", sau đó D và C mang xe mô tô BKS 9xB1-530.6x đi rửa tại nhà ông Vũ Đình H tại tiểu khu C, thị trấn Đ, huyện P thì bị Công an huyện P phát hiện lập biên bản sự việc và bàn giao người và cung phương tiện cho Công an huyện N để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 05/8/2018 cùng có mặt Ma Viết D và Trần Mạnh C xác định vị trí cách mép bên trái đường nối từ đường liên thôn K-B đến nhà ông Nông Văn Th về phía Đông Nam 1,9 cách bờ sông N (Đo đến bờ gần nhất) về phía Đông Bắc 12,5m...là vị trí ông Th để xe mô tô YAMAHA BKS 9xB1-530.6x vào ngày 02/8/2018. Chiếc xe này được để giữa hai xe mô tô khác, đầu xe quay phía Nam, đuôi xe quay phía Bắc, xe mô tô dựng giữa hai xe mô tô khác bằng chân chống phụ.

Tại Cơ quan Điều tra Ma Viết D khai nhận: Do bản thân sử dụng ma túy nên nảy sinh ý định đến huyện N, tỉnh B trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Do không có phương tiện nên D đã gọi điện cho C lấy xe mô tô chở D đi. Khi đến thôn N, xã X phát hiện có xe mô tô dựng ở bãi trống không người trông coi, không khóa cổ xe nên D đã trộm cắp 01 xe mô tô (sau biết là của ông Nông Văn Th) rồi điều khiển xe về tỉnh T tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện. Còn Trần Mạnh C ban đầu khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy nên khi D rủ rê C đi trộm cắp xe máy để có tiền chơi ma túy thì C đồng ý. Khi đến thôn N, xã X lúc D xuống sông N rửa chân thì C cũng đã nhìn thấy khu vực đó có xe mô tô dựng ở bãi trống nhưng do trời tối, C không rõ có bao nhiêu xe. C không có suy nghĩ gì khi thấy D lấy xe vào ban đêm và trong thời gian ngắn như vậy, do D bảo C đứng đợi trên đường nên C đứng đợi. Sau này C lại khai chỉ biết xe D điều khiển về tỉnh T bán là xe trộm cắp từ khi xe của C bị thủng xăm. Mặc dù biết là xe lấy trộm nhưng C vẫn đi cùng D để tìm nơi tiêu thụ xe mô tô do D trộm cắp mà có. Vì khi bán được xe C sẽ có tiền để mua ma túy sử dụng cùng nhau. Lời khai của D và C phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng khác về thời gian, địa điểm phạm tội, đặc điểm chiếc xe mô tô bị mất, đặc điểm phương tiện phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KLĐGTS ngày 03/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn đỏ, đen, BKS 9xB1-530.6x của ông Nông Văn Th tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 02/8/2018 có giá trị 13.860.000,đ.

Các đồ vật và vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn đỏ, đen, BKS 9xB1-530.6x; số khung C6J0GY17xx, số máy 5C6J1765xx bị Ma Viết D và Trần Mạnh C chiếm đoạt ngày 02/8/2018 đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho ông Nông Văn Th.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn xanh, BKS 2xL1-837x đã được Cơ quan Điều tra trả lại chị Hứa Thị S.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen, có phím bấm. Bên trong lắp 01 sim Viettel số 01632448xxxx, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của Ma Viết D sử dụng để liên lạc với Trần Mạnh C vào ngày 02/8/2018 sau đó đi trộm xe.

- 01 tuốc nơ vít có chuôi bằng nhựa màu vàng-đen, đầu tuốc nơ vít bằng kim loại và dẹt, chiều dài tính cả chuôi là 20 cm. Đây là chiếc tuốc nơ vít Ma Viết D mua tại cửa hàng của chị Nông Thị N sau đó sử dụng để phá khóa xe mô tô BKS 9xB1-530.6x.

Các vật chứng, đồ vật hiện đang được bảo quản theo quy định của Pháp luật.

Các vật chứng, đồ vật không tạm giữ được bao gồm:

- 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA của Trần Mạnh C sử dụng để liên lạc, tìm địa điểm tiêu thụ chiếc xe mô tô Ma Viết D trộm cắp được ngày 02/8/2018, C khai đã làm rơi mất vào sáng ngày 03/8/2018 nên Cơ quan Điều tra không thu giữ được.

- 01 chiếc Clê Ma Viết D mua tại cửa hàng chị Nông Thị N, mục đích sử dụng để phá khóa điện xe mô tô BKS 9xB1-530.6x. D khai đã làm rơi trên đường từ cửa hàng chị N đến địa điểm trộm cắp xe, nên Cơ quan Điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nông Văn Th và chị Hứa Thị T đã được Cơ quan Điều tra trả lại xe mô tô BKS 9xB1-530.6x nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và cũng không đề nghị được bồi thường chi phí do Ma Viết D làm hỏng khóa điện xe mô tô BKS 9xB1-530.6x.

Tại biên bản hỏi cung bị can và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Tại phiên Tòa bị cáo Ma Viết D chấp nhận thông báo ngày 26/11/2018 của người thực hiện trợ giúp pháp lý về việc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý và bị cáo cũng không yêu cầu mời người bào chữa khác thay thế; đồng thời tự nguyện chịu toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại cho anh Nông Văn Th số tiền 300.000,đ và không yêu cầu Trần Mạnh C phải hoàn trả số tiền bồi thường cho người bị hại mà lẽ ra C phải liên đới bồi thường cho người bị hại.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị hại anh Nông Văn Th trình bày: Khoảng 10 giờ ngày 02/8/2018 anh có để xe mô tô YAMAHA màu đỏ, BKS 9xB1-530.6x do anh đứng tên trong giấy đăng ký xe ở bờ sông để đi lại trong ngày và do nước sông lên cao nên vẫn để xe ở đó qua đêm, đến khoảng 04 giờ sáng ngày 03/8 thì anh phát hiện xe bị mất nên anh báo sự việc cho Công an viên. Ngày 14/8/2018 anh đã nhận lại chiếc xe mô tô của mình do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N trao trả. Chiếc xe là tài sản chung của gia đình nên anh vừa là người bị hại vừa là người đại diện cho gia đình, anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000,đ cho ổ khóa điện của xe mô tô đã bị hỏng và đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi liên quan anh Lương Minh N trình bày: Anh là cậu ruột của Trần Mạnh C. Khoảng 17 giờ ngày 02/8/2018 anh có trực tiếp cho C mượn chiếc xe mô tô BKS 2xL1-837x. Khi C hỏi mượn xe thì có nói là để đi đến xã Q chơi và không biết mục đích mượn xe của C. Khi cho C mượn xe thì có vợ anh là Hứa Thị S biết việc và còn cho C vay 200.000,đ. Ngày 06/10/2018 gia đình anh đã nhận lại chiếc xe của mình nên không có yêu cầu gì với C.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi liên quan chị Hứa Thị S trình bày: Chị là vợ của Trần Mạnh C. Cuối giờ chiều ngày 02/8/2018 C có đến nhà và hỏi anh Lương Minh N là chồng chị về việc mượn xe mô tô BKS 2xL1-837x do chị đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy để vào xã Q chơi. Sau khi C hỏi mượn tiền đồ xăng thì chị có cho C vay 200.000,đ. Ngày 06/10/2018 chị đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N trao trả lại chiếc xe và chị đã trực tiếp nhận lại. Nay chị không có yêu cầu gì đối với C về bồi thường thiệt hại cho chiếc xe mô tô và số tiền 200.000,đ đã cho C vay.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng chị Nông Thị N trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 02/8/2018 tại cửa hàng của gia đình chị có hai người thanh niên đến hỏi mua 01 chiếc clê 12 và một chiếc tuốc nơ vít và chị đã bán clê 12 và một chiếc Tuốc nơ vít cho họ với tổng số tiền 40.000,đ. Khi bán hàng chị không biết họ là ai, cũng không hỏi họ mua để làm gì và sau khi họ mua xong cũng không biết họ đi đâu. Ngoài ra chị không biết gì hơn và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ma Viết D và Trần Mạnh C phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 của BLTTHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Ma Viết D từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện về việc bị cáo bồi thường số tiền 300.000,đ cho người bị hại và Trần Mạnh C không phải hoàn trả số tiền bồi thường cho D; bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo: Trần Mạnh C từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời gian chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo không phải hoàn trả số tiền bồi thường cho D lẽ ra bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại; Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 bên trong có lắp 01 sim điện thoại và tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan và người làm chứng vắng mặt; bị cáo Ma Viết D từ chối mời người bào chữa. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo từ chối mời người bào chữa; yêu cầu và lời khai của những người vắng mặt đã có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt họ và việc từ chối mời người bào chữa của bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào quy định tại điểm g khoản 2 Điều 61; khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng tại phiên tòa là hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đều nghiện ma túy. Để có tiền mua ma túy thì ngày 02/8/2018 D đã rủ C đi xe máy lên khu vực huyện N, tỉnh B để D trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân nhưng không nói cho C biết mục đích trộm cắp của D. Sau khi phát hiện được chiếc mô tô dựng ở gần bờ sông N, thuộc thôn N, xã X trong đêm và không có người trông coi, D đã cùng C đến thôn K, xã X để mua 01 chiếc tuốc nơ vít và 01 chiếc clê 12 rồi quay lại vị trí chỗ để mô tô để trộm cắp. Khi quay lại đến nơi, D để C đứng đợi trên đường còn bản thân một mình đi đến chỗ để chiếc xe mô tô, lén lút thực hiện hành vi phá khóa điện của xe để trộm cắp xe mô tô. Sáng ngày 03/8/2018 khi D và C mang xe mô tô BKS 9xB1-530.6x đi rửa tại tiểu khu C, thị trấn Đ, huyện P thì bị Công an huyện P phát hiện lập biên bản sự việc và bàn giao người và cùng phương tiện cho Công an huyện N để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Còn bản thân C không biết việc D rủ mình lên huyện N để trộm cắp tài sản. Chỉ khi xe mô tô BKS 2xL1-837x do C điều khiển trên chặn đường về bị thùng xăng xe bánh sau nên phải gửi lại xe tại Trạm y tế xã Tân D, huyện Đ và lên ngồi sau xe BKS 9xB1-530.63 do D điều khiển thì C mới biết chiếc xe mô tô BKS 9xB1-530.6x là do D trộm cắp mà có. Tuy vậy, C vẫn tích cực tham gia giúp D tìm nơi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có.

Chiếc xe mô tô BKS 9xB1-530.63 do các bị cáo trộm cắp của anh Nông Văn Th, theo Bản kết luận định giá tài sản thì tại thời điểm chiếc xe bị các bị cáo trộm cắp có giá trị là 13.860.000,đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào "Tội trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều luật có nội dung: "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị ... đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra ít nguy hiểm cho xã hội. Khi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm vào quan hệ sở hữu tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đối với Ma Viết D, mục đích trộm cắp tài sản đã có trước khi rủ C đi cùng và không có sự phân công, bàn tính trước với C. Trong khi đó mặc dù không biết trước được mục đích, hành vi của D nhưng khi biết được hành vi trộm cắp của D thì C đã không tố giác tội phạm mà còn tích cực giúp cho D tìm nơi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có mặc dù không có hứa hẹn trước. Do vậy, trong vụ án trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 9xB1-530.6x ngày 02/8/2018 thì Ma Viết D giữ vai trò chính và là người thực hiện, còn Trần Mạnh C là người giúp sức.

Xét về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu; đối với bị cáo Ma Viết D, ngày 29/10/2010 tại Bản án số 37/2010/HSST của TAND huyện Đ, tỉnh T xử phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ về "Tội đánh bạc"; tại Bản án số 36/2015/HSST ngày 16/7/2015 TAND huyện Đ xử phạt bị cáo 24 tháng tù, nhưng chưa chấp hành xong khoản tiền bị truy thu sung công quỹ Nhà nước; Bản án số 30/2015/HSST ngày 24/9/2015 TAND huyện N, tỉnh B xử phạt bị cáo 18 tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 36/2015/HSST ngày 16/7/2015 của TAND huyện Đ về cùng "Tội trộm cắp tài sản", buộc bị cáo D phải chấp hành của cả hai bản án là 42 tháng tù. Tuy nhiên tính từ ngày bị cáo D chấp hành xong hình phạt chính của hai bản án (ngày 06/02/2018) và chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm (ngày 24/8/2016) đến ngày bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội (ngày 02/8/2018) thì chưa đủ 02 năm để D được xóa án tích. Đối với bị cáo Trần Mạnh C tại Bản án số 60/2015/HSST ngày 16/7/2015 của TAND huyện Đ, tỉnh T xử phạt C 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". C đã chấp hành xong hình phạt chính (ngày 12/5/2016) và thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm (ngày 05/01/2016), tuy nhiên, chưa được xóa án tích thì đến ngày 06/02/2017 C lại phạm "Tội trộm cắp tài sản"; Bản án số

17/2017/HSST ngày 25/5/2017 của TAND huyện Đ đã áp dụng tình tiết định khung "Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích..." xử phạt Trần Mạnh C 15 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". C đã chấp hành xong hình phạt chính của bản án số 17/2017/HSST ngày 25/5/2017 của TAND huyện Đ vào ngày 07/5/2018 và thi hành xong phần án phí vào ngày 19/7/2017. Tuy nhiên, thời hạn xóa án tích của bản án 60/2015/HSST ngày 16/7/2015 được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính của Bản án số 17/2017/HSST ngày 25/5/2017 của TAND huyện Đ và tính đến ngày bị cáo phạm tội (ngày 02/8/2018) thì C chưa được xóa án tích. Các bị cáo không có tiền sự.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cùng được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và các bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị hại đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tổng hợp các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian; xử phạt tù các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của từng bị cáo và quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc, bản thân các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy; không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy, xét thấy việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Lương Minh N là người đã cho Trần Mạnh C mượn xe mô tô BKS 2xL1-837x nhưng không biết mục đích sử dụng xe của C để giúp sức cho D làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Điều tra Công an huyện N không xem xét xử lý hành vi của anh N là có căn cứ.

Đối với chị Nông Thị N là người đã bán chiếc clê và tuốc nơ vít cho D, khi bán hàng cho D chị không biết mục đích D mua dùng làm công cụ phạm tội. Việc bán hàng của chị là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự nên Cơ quan Điều tra Công an huyện N không xử lý hành vi của chị Ngay là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh Nông Văn Th là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 9xB1-530.6x và là đại diện theo pháp luật cho chị Hứa Thị T là vợ anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ổ khóa điện của xe mô tô bị hỏng là 300.000,đ; chị Hứa Thị S là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 2xL1-837x cùng chồng là anh Lương Minh N không yêu cầu C phải bồi thường thiệt hại, chị S không yêu cầu C phải hoàn trả số tiền 200.000,đ đã cho C mượn. Các xe mô tô nói trên đã được trả lại cho chủ sở hữu, nên trách nhiệm của Trần Mạnh C đối với người có quyền lợi liên quan không được đặt ra để giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của Ma Viết D về việc Ma Viết D bồi thường số tiền 300.000,đ cho người bị hại. Trần Mạnh C không phải hoàn trả số tiền bồi thường cho Ma Viết D.

[4] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng là có căn cứ. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản" và mức hình phạt tù áp dụng đối với từng bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm của các bị cáo của Kiểm sát viên là hợp pháp; biện pháp xử lý vật chứng của Kiểm sát viên là chưa phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô BKS 9xB1-530.6x và 01 chiếc mô tô BKS 2xL1-837x không liên quan đến tội phạm đã được trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nên không được xem xét giải quyết.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280. Bên trong lắp 01 sim Viettel số 0163244xxxx và 01 tước nơ vít là phương tiện, công cụ phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách nhà nước.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 15/11//2018.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra Ma Viết D còn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 288, 584, 585, 587, 589 của bộ luật dân sự 2015.

[1] Về tội phạm: Tuyên bố các bị cáo Ma Viết D và Trần Mạnh C phạm "Tội trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt:

- Ma Viết D 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 04/8/2018). Tiếp tục giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Trần Mạnh C 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 04/8/2018). Tiếp tục giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại và các bị cáo, buộc: Ma Viết D phải bồi thường cho anh Nông Văn Th số tiền 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng). Trần Mạnh

C không phải hoàn trả số tiền bồi thường cho Ma Viết D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 BLTHS năm 2015.

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0163244xxxxx và 01 tuốc nơ vít.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 15/11/2018.

[5] Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Ma Viết D và Trần Mạnh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bị cáo Ma Viết D còn phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại; vắng mặt người có quyền lợi liên quan. Các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND thị trấn nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKS huyện N;
- VKS tỉnh B;
- TA tỉnh B;
- Sở Tư pháp B;
- Công an huyện N;
- Phòng quản lý hồ sơ CA huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TRẦN QUANG HÒA
(Đã ký và đóng dấu)